TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 20/9/2023
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Ông Lê Cát Tưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988 "có mặt"

ĐKHK: Thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 11, phố A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Ngách A đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Bật T, sinh năm 1985 "có mặt"

Trú tại: Thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 11, phố A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Bật T kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau, do kinh tế và do áp lực về gia đình dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, chửi bới, xúc phạm

lẫn nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Lê Ngọc Uyển N, sinh ngày 20/6/2011 và cháu Lê Ngọc Phước N1, sinh ngày 06/3/2017. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị thay đổi quan điểm xin được nuôi cháu Phước N1, giao cháu Uyển N cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Bật T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, anh thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống và chị H có bị áp lực từ gia đình anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải chửi nhau, tình cảm rạn nứt. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì đang còn tình cảm với H và mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con: Anh đồng ý có 02 con chung như chị H trình bày, do anh chưa đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con. Trường hợp Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn thì về con anh cũng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố T thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Bật T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Tại kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để cải thiện thiện tình cảm của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài trong nhiều năm nay, mặt khác chị H tha thiết xin được ly hôn. Do đó, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống chung của vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về con: Anh chị đều thừa nhận có 02 con chung. Chị H đề nghị giao mỗi người nuôi một cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tú không có quan điểm gì mà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Xét thấy, anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, mặt khác cháu Uyển N có nguyện vọng xin được ở với anh T nên giao mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Do cháu N1 đang còn nhỏ nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

***Về hôn nhân*:** Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Bật T

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Lê Ngọc Uyển N, sinh ngày 20/6/2011 và cháu Lê Ngọc Phước N1, sinh ngày 06/3/2017. Giao cháu Uyển N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phước N1 cho chị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002669 ngày 03/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa.

Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THATPTH;
- U;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy